

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 02 năm 2023
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Hoàng D;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phẩm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A tham gia phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh L - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh A tiến hành xét xử sơ thẩm công K vụ án thụ lý số: 170/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N – sinh năm 1982

HKTT: khu 3, xã Đoan Hạ, huyện Y, tỉnh A

- Bị đơn: Anh Lê Minh T - sinh năm 1981

HKTT: khu 3, xã Đoan Hạ, huyện Y, tỉnh A

Hiện nay anh T đang ở Đài Loan

(Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày: Chị và anh Lê Minh T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 28/11/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Đoan Hạ, huyện Y, tỉnh A. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017 anh T đi xuất khẩu tại Đài Loan, từ đó giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống xa nhau thời gian dài nên không có sự quan tâm thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Ngọc đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Minh T.

Về con chung: chị Hoàng Thị N xác định vợ chồng chị có 03 con chung là các cháu Lê Hoàng Anh Thư, sinh ngày 02/06/2006; Lê Hoàng Hà An, sinh ngày 02/05/2008 và cháu Lê Quang Khải, sinh ngày 28/01/2018. Khi ly hôn chị N đề nghị Tòa án cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 cháu Lê

Hoàng Anh Thư, Lê Hoàng Hà An, Lê Quang Khải và không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị N xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị Hoàng Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị N đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Chị N trình bày hiện nay chị không biết địa chỉ của anh T ở Đài Loan nên chị không thể cung cấp địa chỉ của anh T cho Tòa án được. Chị N đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của anh T ở Đài Loan thông qua bố đẻ của anh T là ông Lê Minh K, sinh năm 1955; địa chỉ: khu 3, xã Đoan Hạ, huyện Y, tỉnh A.

Thân nhân của anh Lê Minh T – Ông Lê Minh K trình bày: ông là bố đẻ của anh T, ông vẫn thường xuyên liên lạc với anh T qua điện thoại nhưng không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở chỗ nào tại Đài Loan, chỉ biết anh T đang ở Đài Loan. Do vậy, ông không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của anh T tại Đài Loan cho Tòa án. Ông K cũng đã nhận và thông báo về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T được biết. Việc chị N làm đơn xin ly hôn anh T, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị N ly hôn anh Lê Minh T. Về con chung: Giao các cháu Lê Hoàng Anh Thư, sinh ngày 02/06/2006; Lê Hoàng Hà An, sinh ngày 02/05/2008 và cháu Lê Quang Khải, sinh ngày 28/01/2018 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ chung: chị N xác định vợ chồng không có, không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị N nộp đơn xin ly hôn anh Lê Minh T tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, chị N trình bày hiện anh T đang sống và làm việc tại Đài Loan. Tại văn bản số 27233/QLXNC-P5 ngày 14/12/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận: “*Lê Minh T, sinh ngày 16/9/1981, đã xuất nhập cảnh 05 lần, làm xuất cảnh gần nhất ngày 09/11/2017, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước*”. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh A.

Chị Hoàng Thị N vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Lê Minh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã Đoan Hạ, huyện Y, tỉnh A vào ngày 28/11/2003. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị N và anh T không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa thuận, vợ chồng sống xa nhau thời gian dài nên tình cảm lạnh nhạt, không có sự quan tâm, chăm sóc, thương yêu nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Hoàng Thị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Minh T.

Anh Lê Minh T hiện đang ở nước ngoài, chị Hoàng Thị N chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh Lê Minh T ở Việt Nam, không cung cấp được địa chỉ của anh T ở nước ngoài cho Tòa án. Theo yêu cầu của chị N, Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh T ở nước ngoài thông qua bố đẻ của anh T là ông Lê Minh K, sinh năm 1955; địa chỉ: khu 3, xã Đoan Hạ, huyện Y, tỉnh A. Ông K cung cấp thông tin hiện tại ông vẫn thường xuyên liên lạc với anh T nhưng không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở chỗ nào Đài Loan, chỉ biết anh T đang ở Đài Loan. Do vậy, ông không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T cho Tòa án. Ông cũng nhất trí nhận và thông báo về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T biết. Căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng chị N và anh T đã không còn chung sống cùng với nhau, vợ chồng sống xa nhau đã một thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Hoàng Thị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Minh T là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó đề nghị xin ly hôn của chị N được chấp nhận.

- Về con chung: Từ những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xác định chị Hoàng Thị N và anh Lê Minh T có 03 con chung là các cháu Lê Hoàng Anh Thư, sinh ngày 02/06/2006; Lê Hoàng Hà An, sinh ngày 02/05/2008 và Lê Quang Khải, sinh ngày 28/01/2018. Khi ly hôn chị N đề nghị Tòa án cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 cháu Lê Hoàng Anh Thư, Lê Hoàng Hà An, cháu Lê Quang Khải và không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Theo ông K (bố đẻ anh T) thì anh T cũng nhất trí để chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung của anh chị. Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 28/12/2022 của cháu Lê Hoàng Anh Thư và cháu Lê Hoàng Hà An đều trình bày nguyện vọng được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn, cháu Lê Quang Khải hiện vẫn còn nhỏ. Xét thấy anh T hiện đang ở nước ngoài, không có lời trình bày tại Tòa án, do đó để đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho các cháu cần giao 03 cháu Lê Hoàng Anh

Thư, Lê Hoàng Hà An, Lê Quang Khải cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị N về việc chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Chị Hoàng Thị N xác định không có và không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Lê Minh T.

[2] Về con chung: Giao các cháu Lê Hoàng Anh Thư, sinh ngày 02/06/2006; Lê Hoàng Hà An, sinh ngày 02/05/2008 và cháu Lê Quang Khải, sinh ngày 28/01/2018 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Lê Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N do chị N không yêu cầu. Anh Lê Minh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Hoàng Thị N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000373 ngày 16/12/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh A.

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Chị Hoàng Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày; anh Lê Minh T có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND tỉnh A;
- Cục THADS tỉnh A;
- UBND xã Đoan Hạ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - AV.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng D

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2023/TL-HNGĐST

A, ngày 03 tháng 4 năm 2023

**TRÍCH LỤC
BẢN ÁN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH SƠ THẨM**

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 09/2023/HNGĐ-ST ngày 24/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh A đã xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình giữa:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N – sinh năm 1982

HKTT: khu 3, xã Đoan Hạ, huyện Y, tỉnh A

- Bị đơn: Anh Lê Minh T - sinh năm 1981

HKTT: khu 3, xã Đoan Hạ, huyện Y, tỉnh A

Hiện nay anh T đang ở Đài Loan.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH A
ĐÃ QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Lê Minh T.

[2] Về con chung: Giao các cháu Lê Hoàng Anh Thư, sinh ngày 02/06/2006; Lê Hoàng Hà An, sinh ngày 02/05/2008 và cháu Lê Quang Khải, sinh ngày 28/01/2018 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Lê Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N do chị N không yêu cầu. Anh Lê Minh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Hoàng Thị N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000373 ngày 16/12/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh A.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Hoàng Tiến Dũng